Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 31

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ CHÍ ĐÁM

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 2	Cầu Đoan Hùng	Cây xăng dầu Hương Lan	10.800	5.900	4.300	4.300	2.400	1.700	3.200	1.800	1.300
2		Cây xăng dầu Hương Lan	Đường rẽ đi hồ Đồng Mầu	8.600	4.800	3.500	3.500	1.900	1.400	2.600	1.400	1.000
3		Đường rẽ đi hồ Đồng Mầu	Giáp tỉnh Tuyên Quang	10.200	5.600	4.100	4.100	2.200	1.600	3.100	1.700	1.200
4	Đường tỉnh 322	Quốc lộ 2	Nhà ông Nghiêm	9.000	5.000	3.600	3.600	2.000	1.400	2.700	1.500	1.100
5		Nhà ông Nghiêm	Nhà ông Thập Loan	4.500	2.500	1.800	1.800	1.000	700	1.400	700	500
6		Nhà ông Thập Loan	Nhà ông Sửu khu Đông Tiệm	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
7		Nhà bia tưởng niệm khu Hùng Quan	Nhà ông Hồng Mơ khu Lạp Xuyên	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
8		Nhà ông Hồng Mơ khu Lạp Xuyên	Cổng Nhà thờ Trại Cỏ	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
9		Cổng Nhà thờ Trại Cỏ	Đường rẽ vào nhà ông Hùng Thanh khu Thượng Khê	2.500	1.200	900	900	500	300	600	400	300
10		Đường rẽ vào nhà ông Hùng Thanh khu Thượng Khê	Hồ Đồng Đầm khu Đông Dương	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
11		Hồ Đồng Đầm khu Đông Dương	Giáp địa giới hành chính tỉnh Tuyên Quang	2.500	1.200	900	900	500	300	600	400	300
12	Đường đê	Đường đê Hữu Sông Lô	Cây xăng Sư đoàn 316	3.800	2.100	1.500	1.500	800	600	1.200	600	500
13	Đường liên xã	QL2 qua khu Phượng Hùng 1, 2	Đi Vân Du	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
14	Đường trục chính xã	Quốc lộ 2 (tiếp giáp đất ông Khoa)	Đi ngã ba Đầm Đò	2.900	1.600	1.200	1.200	600	500	900	500	300
15		Ngã tư Trạm y tế xã	Ngã tư ông Hùng Bốn (khu Đám 3)	4.300	2.400	1.700	1.800	1.000	700	1.450	800	600
16	Đường tránh lũ	Giáp đường QL2	Dốc Lò Vôi	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
17		Dốc Lò Vôi	Tiếp giáp đường 322	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
18	Đường tránh lũ	Cây xăng Hùng Quan cũ	Đi xã Nhữ Khê (Tuyên Quang)	2.600	1.500	1.100	1.100	600	400	800	400	300
19	Đường liên khu	Nhà ông Tân khu Lã Hoàng 2	Ngã 5	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
20		Ngã 5	Nhà ông Hồng khu Đám 1	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
21		Quốc lộ 2	Đi cánh đồng Mẫu lớn khu Phượng Hùng 1,2	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
22		Ngã 5	Hết nhà ông Túc khu Xuân Áng	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
23		Ngã ba Trường mầm non Chí Đám	Đi Ngã 3 Trạm y tế xã Chí Đám	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
24		Ngã ba ông Thành Thủy khu Xuân Áng	Nhà văn hóa khu Lã Hoàng 2	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
25		Ngã ba bà Xuân khu Xuân Áng	Hết nhà ông Đạo khu Xuân Áng	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
26		Ngã 5	Hết nhà ông Phán khu Đám 1 (Giáp khu Chí)	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
27		Ngã ba chợ Giàn	Cổng nhà ông Xuân Chuyên	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
28		Nhà ông Nghiêm Hoa khu Ánh Hồng	Nhà ông Thắng Ninh, khu Minh Giang	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
29		Nhà ông Lượng Thao khu Nghinh Lạp	Nhà ông Tư Lựu, khu Nghinh Lạp	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
30		Nhà ông Long Vân (giáp ngã ba đường 322)	Hết nhà ông Chiến Đào khu Đông Dương	1.800	900	700	700	400	300	500	300	200
31		Cống Mũi Dùi khu Thượng Khê	Nhà ông Thắng Vinh khu Đông Dương	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
32	Đường Gò Măng	Giáp thổ cư ông Cừ	Tiếp giáp đường tránh lũ	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
33	Các đường liên khu còn lại			2.100	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
34	Các tuyến đường khác	Cây đa khu Nam Đẩu	Ngã tư cây Gạo khu Liên Phú	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
35		Cây Gạo khu Liên Phú	Dốc Lò Vôi	2.000	1.100	800	1.000	600	400	800	400	300
36		Cống Mỗ	Nhà ông Sửu khu Đông Tiệm	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
37	Đường xóm			1.400			700			500		
*	**Khu đấu giá**											
38	Khu đấu giá tại khu Liên Phú			4.200			1.700			1.300		
39	Khu đấu giá tại khu Đông Tiệm; khu Gò Da			4.200			1.700			1.300		
40	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			500			200			150		